

Số: 2360/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc
Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu;

Căn cứ Công văn số 824/UBND-TH ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc đính chính thông tin tại quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã trên địa bàn huyện Thuận Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 412/TTr-SXD ngày 09 tháng 11 năm 2022 và Báo cáo thẩm định số 250/KQTD-SXD ngày 08 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Thuận Châu.

4. Mục tiêu, quy mô xây dựng, giải pháp thiết kế chủ yếu

4.1. Mục tiêu: Đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức xã và người dân đến liên hệ công tác; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế-xã hội của cấp ủy, chính quyền xã.

4.2. Quy mô xây dựng

- Xây dựng mới 01 nhà làm việc 03 tầng theo thiết kế mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh.

- Các hạng mục phụ trợ: San nền, tường rào, kè đá,...

- Thiết bị văn phòng: Bàn ghế, tủ tài liệu,...

4.3. Giải pháp thiết kế

4.3.1. Hạng mục trụ sở làm việc: Áp dụng thiết kế mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh Sơn La; nhà 03 tầng; diện tích xây dựng $S_{xd} = 370m^2$; tổng diện tích sàn $S_{sàn} = 1.052m^2$;

- *Kiến trúc:* Chiều dài nhà 39,85m; chiều rộng nhà 9,3m; bước gian 4,2m-3,3m-4,8m; bước nhịp 5,7m, hành lang rộng 2,1m; cao độ nền nhà cốt ± 0.00 cao hơn cốt sân 0,75m; chiều cao nhà tính từ cốt nền nhà ± 0.00 đến đỉnh mái 13,5m; chiều cao tầng 1,2,3 là 3,6m; chiều cao mái 2,7m; nền nhà lát gạch ceramic kích thước (50x50)cm, nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (30x30)cm, tường khu vệ sinh ốp gạch men kính cao 2,1m; thang bộ mặt và cổ bậc lát đá granit; cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa nhôm Việt Pháp, hoa sắt cửa sổ thép hộp định hình; lan can cầu thang, hành lang bằng thép inox; tường, dầm, cột, trần trong và ngoài nhà lăn sơn trực tiếp 3 nước; mái lợp tôn màu đỏ;

- *Kết cấu:* Móng, cột, dầm, sàn, lanh tô bê tông cốt thép B15 (mác 200); tường xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50; trát tường vữa xi măng mác 50; trát dầm, trần, cột vữa xi măng mác 75; mái: tôn màu dày 0,35mm/xà gồ thép/tường thu hồi xây gạch chỉ không nung vữa xi măng mác 50. Phần thang sắt thoát hiểm: móng, giằng bê tông cốt thép mác 200; hệ dầm thang bằng thép hình liên kết hàn và bu lông cường độ cao; mặt bậc, sàn thang bằng thép tấm tạo nhám; tay vịn thép ống $\Phi 60 \times 2mm$;

- *Cấp điện:* Nguồn điện cấp cho công trình được đấu nối với hệ thống điện của khu vực. Sử dụng bóng đèn huỳnh quang, đèn ốp trần có công suất 40W; quạt treo tường, quạt trần, dây dẫn, bóng đèn, quạt, điều hòa. Toàn bộ dây dẫn được đặt trong ống ghen mềm đi chìm tường;

- *Thu lôi chống sét:* Sử dụng kim thu sét $\Phi 18mm$ mạ kẽm, dây dẫn và dây thu sét $\Phi 12mm$, dây tiếp địa $\Phi 16mm$, cọc tiếp địa thép hình đều cạnh. Điện trở của bộ phận tiếp địa $\leq 10 \Omega$.

- *Phòng chống cháy nổ:* Trong nhà: Công trình được thiết kế hệ thống chữa cháy cục bộ sử dụng bình bột khí MFZ4 đặt tại vị trí thuận tiện khi sử dụng; Ngoài nhà: Bố trí 02 trụ chữa cháy được lắp đặt ở hai đầu hồi, thuận tiện

cho việc cấp nước cho hệ thống chữa cháy, mạng đường ống cấp nước cho các trụ cứu hỏa được thiết kế là đường ống D100.

- *Cấp, thoát nước:*

+ Cấp nước: Nguồn nước cấp cho nhà được đầu nối từ nguồn cấp hiện trạng của trụ sở; nước được cấp về bồn nước inox 3m³ đặt trên mái; nước được cấp xuống các khu vệ sinh bằng ống nhựa HPDE và PPR đi ngầm tường và hộp kỹ thuật;

+ Thoát nước: Nước thải khu vệ sinh được thu về thoát sàn và thoát xuống ống nước đi ngầm sàn và tường xuống bể tự hoại, thoát ra hệ thống thoát nước ngoài nhà; thoát nước mái sử dụng ống nhựa PVC thoát xuống rãnh thoát nước kín ngoài nhà;

- *Hệ thống điện thoại, internet, mạng lan và các chi tiết khác:* Theo hồ sơ thiết kế lập, trình thẩm định.

4.3.2. *Các hạng mục phụ trợ*

- *Sân bê tông:* Diện tích S=990m²; bê tông cấp độ bền B12.5 (*mác 150*), dày d=10cm/ lớp ni lông chống mất nước xi măng/ lớp đất san nền.

- *Bể nước PCCC:* Dung tích V=63,2m³; đáy, thành, nắp bể đổ bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*); trát thành bể vữa xi măng *mác 75*, đánh màu xi măng nguyên chất; đáy bể đánh màu xi măng nguyên chất/ láng vữa xi măng *mác 75*;

- *Nhà để máy bơm:* Diện tích 8,2m²; tường xây gạch không nung vữa xi măng *mác 50*; trát vữa xi măng *mác 75*, lăn sơn; mái: xà gồ bằng thép hình, lợp tôn; cửa khung thép, lưới B40.

- *Nhà để xe:* Diện tích 67,3m²; móng cột bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*); cột, kèo, xà gồ thép; mái lợp tôn dày 0.35mm; nền đổ bê tông cấp độ bền B12.5 (*mác 150*) dày 10cm;

- *Nhà bảo vệ:* Diện tích 19,4m²; kích thước (4,0x4,0)m; chiều cao từ cốt ±0.000 đến đỉnh mái 5,1m; móng xây đá hộc vữa xi măng *mác 50*; dầm, giằng, sàn mái đổ bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (*mác 200*); tường xây gạch không nung vữa xi măng *mác 50*; trát vữa xi măng *mác 50*; nền lát gạch ceramic kích thước (40x40)cm; xà gồ bằng thép hình, lợp tôn; cửa đi, cửa sổ bằng nhôm, kính dày 6.38mm; các chi tiết khác trong hồ sơ thiết kế;

- *Cổng chính:* Chiều rộng 6,5m; Móng trụ xây đá hộc vữa xi măng *mác 75*; thân trụ xây gạch không nung vữa xi măng *mác 50*; lõi trụ gia cường bằng thép hình L50x50x5; cánh cổng chính bằng thép hộp lắp đặt bánh xe chạy trên ray. Biển tên cơ quan: Móng xây đá hộc vữa xi măng *mác 50*; tường xây gạch vữa xi măng *mác 50*; ốp đá granit khắc chữ;

- *Tường rào hoa sắt:* Chiều dài L=31,2m; móng xây đá hộc vữa xi măng *mác 50*; chân tường, trụ tường rào xây gạch không nung vữa xi măng *mác 50*; trát vữa xi măng *mác 50*, lăn sơn trực tiếp; hoa sắt thép hộp, phun sơn tĩnh điện;

- *Tường rào lưới thép B40 (trên kè đá)*: Chiều dài $L=122,7\text{m}$; móng trụ bê tông B12.5 (*mác 150*); trụ bằng thép tròn $\varnothing 40 \times 2,3$; khung tường rào bằng thép hình; lưới thép B40;

- *Tường rào lưới B40 (trên nền đất)*: Chiều dài $L=33,8\text{m}$; móng trụ bê tông B12.5 (*mác 150*); trụ bằng thép tròn; khung tường rào bằng thép hình; lưới thép B40;

- *Kè đá*: Chiều dài $122,7\text{m}$; chiều cao thân kè thay đổi từ $(0,7 \div 1,1)\text{m}$; móng, thân kè xây đá hộc vữa xi măng *mác 100*;

- *Cột cờ*: Móng bê tông cấp độ bền B15 (*mác 200*); cột inox $\varnothing 110$, $\varnothing 76$ cao 9m ;

- *San nền*: Cốt san nền trung bình $+693.5\text{m}$, san nền theo phương pháp cân bằng đào đắp.

4.3.3. *Các chi tiết khác*: Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo KT-KT: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng 488. Địa chỉ: Tổ 1, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La.

6. Địa điểm xây dựng: xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

7. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 01 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:

- QCXDVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 03-2012/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- QCVN 09-2017: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 16-2019: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- QCVN 06-2020: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;
- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;
- TCXDVN 33-2006: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- TCVN 3890-2009: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành thiết kế mẫu;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 9.500.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng:	1.000.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	7.037.199.860	đồng
- Chi phí thiết bị:	265.589.800	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	229.608.504	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	669.270.417	đồng
- Chi phí khác:	105.293.170	đồng
- Chi phí dự phòng:	193.038.249	đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

11. Nguồn vốn, dự kiến bố trí kế hoạch vốn

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Dự kiến kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Ngân sách tỉnh (Theo Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Sơn La)	Tổng cộng
2023-2025	9.500,0	9.500,0

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án hoặc thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

13. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng: Chủ đầu tư thực hiện theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Thuận Châu (chủ đầu tư):

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư;
- Tổ chức quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

2. Sở Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung thẩm định, trình phê duyệt dự án;
- Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT; NC, TH, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh